

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

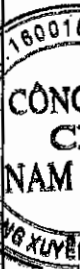
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2012

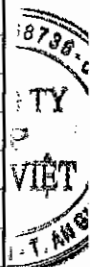
Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,514,259,335,445</b>	<b>1,550,502,578,848</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>74,233,923,639</b>	<b>140,080,363,330</b>
1. Tiền	111		57,985,523,639	14,470,459,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		16,248,400,000	125,609,904,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>66,714,313,283</b>	<b>167,647,441,201</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		66,714,313,283	167,647,441,201
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>V.02</b>	<b>585,224,253,846</b>	<b>909,751,344,312</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		498,545,173,710	491,038,052,598
2. Trả trước cho người bán	132		20,074,204,071	14,155,693,977
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		133,814,279,692	471,161,880,930
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(67,209,403,627)	(66,604,283,193)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>754,349,250,929</b>	<b>294,340,155,555</b>
1. Hàng tồn kho	141		759,210,990,839	295,389,165,828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4,861,739,910)	(1,049,009,273)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.04</b>	<b>33,737,593,748</b>	<b>38,683,274,450</b>
1. Chi phí trả trước	151		1,530,873,244	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25,131,923,607	7,343,790,173
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,074,796,897	31,339,484,277
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>830,500,938,352</b>	<b>614,463,953,135</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị nội bộ	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>371,262,234,752</b>	<b>205,193,886,512</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.05</b>	<b>95,406,822,515</b>	<b>44,092,776,780</b>
- Nguyên giá	222		301,699,389,969	230,782,048,653
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(206,292,567,454)	(186,689,271,873)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V.06</b>	<b>35,715,458,314</b>	
- Nguyên giá	225		36,781,113,206	



- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,065,654,892)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	109,074,847,561	16,371,119,822
- Nguyên giá	228		109,348,288,893	16,593,198,822
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(273,441,332)	(222,079,000)
4. Chi phí XDCB dở dang	230	V.08	131,065,106,362	144,729,989,910
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>443,615,604,000</b>	<b>408,966,824,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		39,499,104,000	128,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252		159,612,500,000	39,150,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		244,504,000,000	253,704,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			(11,887,176,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.10</b>	<b>15,623,099,600</b>	<b>303,242,623</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		13,571,456,977	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		303,242,623	303,242,623
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,748,400,000	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2,344,760,273,797.0</b>	<b>2,164,966,531,983</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>		<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		<b>5</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>981,756,101,004</b>	<b>787,570,576,097</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>955,787,891,753</b>	<b>786,054,362,981</b>
1. Vay ngắn hạn	311	V.11	768,925,980,402	355,714,046,613
2. Phải trả cho người bán	312	V.12	113,662,604,035	338,357,809,467
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	13,020,949,263	11,756,655,063
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1,365,460,208	4,630,131,089
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	12,580,218,894	3,491,532,668
6. Chi phí phải trả	316		1,057,545,841	2,017,787,300
7. Phải trả cho nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác khác	319	V.16	41,929,782,035	60,350,280,230
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,245,351,075	9,736,120,551
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25,968,209,251</b>	<b>1,516,213,116</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	25,968,209,251	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18		1,516,213,116
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>1,363,004,172,793</b>	<b>1,377,395,955,886</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>1,363,004,172,793</b>	<b>1,377,395,955,886</b>



1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(27,417,629,848.00)	(27,417,629,848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		118,456,343,541	132,848,126,634
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)</b>	<b>430</b>		<b>2,344,760,273,797</b>	<b>2,164,966,531,983</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		V.20	2,598,204,737	2,598,204,737
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ nhân gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ nhận ký giữ				
4. Nợ khó đòi đã xử lý			23,771,221,296	20,258,042,067
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp dự án			52,819,359,723	52,819,359,723

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

Tổng Giám Đốc  
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
 Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 04/2012

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01		430,353,771,212	467,785,205,821	1,547,772,144,673	1,563,143,651,561
2. Các khoản giảm trừ	02		5,373,116,421	4,111,471,978	13,365,640,317	10,997,413,986
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cu</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>424,980,654,791</b>	<b>463,673,733,843</b>	<b>1,534,406,504,356</b>	<b>1,552,146,237,575</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	365,784,675,993	388,364,631,597	1,339,562,698,939	1,389,663,126,239
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung</b>	<b>20</b>		<b>59,195,978,798</b>	<b>75,309,102,246</b>	<b>194,843,805,417</b>	<b>162,483,111,336</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,772,774,834	30,218,129,981	69,827,027,719	99,446,974,806
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51,058,963,824	11,080,598,843	85,600,256,672	39,889,342,232
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		12,512,670,641	10,917,133,263	47,856,434,657	32,164,726,543
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41,900,128,539	25,958,661,381	98,924,466,736	76,535,825,376
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,249,592,554	23,814,564,113	34,666,659,112	38,450,425,033
<b>10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20</b>	<b>30</b>		<b>(37,239,931,285)</b>	<b>44,673,407,890</b>	<b>45,479,450,616</b>	<b>107,054,493,501</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,853,804,611	612,007,825	28,037,497,119	9,737,881,082
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,608,081,651	3,402,677,296	29,256,005,828	19,340,957,125
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>245,722,960</b>	<b>(2,790,669,471)</b>	<b>(1,218,508,709)</b>	<b>(9,603,076,043)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(36,994,208,325)</b>	<b>41,882,738,419</b>	<b>44,260,941,907</b>	<b>97,451,417,458</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					80,613,932
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(36,994,208,325)</b>	<b>41,882,738,419</b>	<b>44,260,941,907</b>	<b>97,370,803,526</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

Ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng giám đốc



Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 04/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này	Quý trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		430,353,771,212	384,362,908,275
2. Các khoản giảm trừ	02		5,373,116,421	1,211,833,441
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	424,980,654,791	383,151,074,834
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	365,784,675,993	345,148,011,408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(2	20		59,195,978,798	38,003,063,426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7,772,774,834	14,574,798,568
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51,058,963,824	7,728,808,026
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		12,512,670,641	7,723,742,925
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	41,900,128,539	16,352,789,991
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,249,592,554	7,089,608,407
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (2	30		(37,239,931,285)	21,406,655,570
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,853,804,611	20,008,095,541
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,608,081,651	20,094,857,152
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		245,722,960	(86,761,611)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(36,994,208,325)	21,319,893,959
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)	60		(36,994,208,325)	21,319,893,959
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Trần Minh Cảnh

Ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng giám đốc




Nguyễn Duy Nhật

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)  
Quý 04/2012  
(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		1,462,352,844,254	1,502,947,679,015
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,539,816,889,497)	(1,285,165,140,303)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(63,405,424,001)	(28,538,298,279)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(45,473,550,374)	(31,197,206,666)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			-
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,897,891,975,413	2,254,557,882,243
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,913,400,947,137)	(2,198,943,942,107)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(201,851,991,342)</b>	<b>213,660,973,903</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				-
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21			(4,950,000,000)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	22			-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(256,850,887,684)	(289,499,696,985)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		186,719,807,039	109,092,837,817
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(126,752,287,400)	(27,554,000,000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40,401,975,169	370,583,700
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,129,043,049	9,967,583,742
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(154,352,349,827)</b>	<b>(202,572,691,726)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				-
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31			-
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,701,484,523,701	1,018,643,210,500
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,411,108,981,907)	(902,591,302,958)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(57,016,439,700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>290,375,541,794</b>	<b>59,035,467,842</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(65,828,799,375)</b>	<b>70,123,750,019</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>140,080,363,330</b>	<b>69,543,874,576</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(17,640,316)</b>	<b>412,738,735</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V01</b>	<b>74,233,923,639</b>	<b>140,080,363,330</b>

Người lập

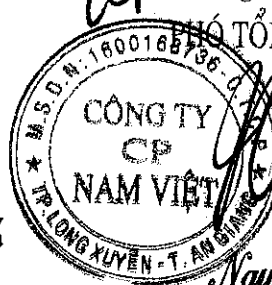
  
Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

  
Trần Minh Cảnh

Ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám Đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Duy Nhật

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Chưa hợp nhất)

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
  - Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước
  - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương thực hiện sản xuất thành phẩm cá tra và dầu cá bột cá cho Công ty.
  - Công ty có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH Đại Tây Dương thực hiện sản xuất thành phẩm gelatin cho công ty.
  - Ngày 01/10/2012 thoái vốn 45% cổ phần đầu tư vào công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt . Sau khi thoái vốn Nam Việt còn giữ 6% vốn điều lệ và Nam Việt không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt kể từ ngày thoái vốn.
  - Công ty mua lại 90,91% vốn điều lệ của công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông ngày 17/08/2012 và nắm quyền kiểm soát từ ngày 11/10/2012.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT- BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

### 6. Tài sản thuê tài chính

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê tài sản đó.

#### **7. Tài sản cố định vô hình**

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

##### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

#### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **9. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

#### **10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền mặt	1,336,835,588	3,735,528,043
Tiền gửi ngân hàng	56,648,688,051	10,734,931,287
Các khoản tương đương tiền	16,248,400,000	125,609,904,000
<b>Cộng</b>	<b><u>74,233,923,639</u></b>	<b><u>140,080,363,330</u></b>

**2. Các khoản phải thu**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Phải thu trong nước (*)	235,056,709,843	217,695,044,220
Phải thu nước ngoài (*)	263,488,463,867	273,695,044,220
Trả trước người bán (**)	20,074,204,071	14,155,693,977
Các khoản phải thu khác (***)	133,814,279,692	471,161,880,930
Dự phòng phải thu khó đòi	(67,209,403,627)	(66,604,283,193)
<b>Cộng</b>	<b><u>585,224,253,846</u></b>	<b><u>909,751,344,312</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu trong nước và nước ngoài

	<u>31/12/2012</u>
Phải thu tiền bán thành phẩm	342,876,708,341
Phải thu bán phụ phẩm	15,081,700
Phải thu bán gelatin	979,724,822
Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ DTD	94,667,983,581
Phải thu từ bán cổ phần Cromit	25,293,101,305
Thu từ thanh lý nguyên vật liệu	11,512,195,051
Thu từ bán tài sản, lãi vay từ cromit	11,739,286,400
Thu từ bán tài sản – trả hàng nhập khẩu ủy thác	9,164,356,722
Thu khác	2,296,735,788
<b>Cộng</b>	<b><u>498,545,173,710</u></b>

(\*\*) Chi tiết các khoản trả trước người bán

	<u>31/12/2012</u>
Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	11,136,723,574
Mua xe nâng dầu	693,000,000
Mua tài sản	810,697,177
Ký quỹ mua nguyên liệu phụ phẩm	200,000,000
Chi phí cước vận chuyển	72,314,550
Tiền gia công	3,767,488,203
Ứng trước cho người bán cá	200,000,000
Mua máy bơm vùng nuôi	273,036,300
Ứng mua đất Bình Thạnh	50,000,000
Thuê đất VN ngọc sinh	50,000,000
Đầu tư nuôi cá	1,999,280,564
Đào ao nuôi cá	50,472,600

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

<i>Tham gia hội chợ</i>	654,694,903
<i>Mua vật tư và các loại khác</i>	116,496,200
<b>Cộng</b>	<b><u>20,074,204,071</u></b>

(\*\*\*)Chi tiết các khoản phải thu khác

	<b><u>31/12/2012</u></b>
<i>Cấp vốn Ấn Độ Dương</i>	114,824,590,706
<i>Tiền vận chuyển</i>	1,174,529,135
<i>Tiền, vật tư</i>	7,531,777,007
<i>Thuế nhập khẩu phải thu</i>	5,502,097
<i>Phải thu BHXH</i>	160,935,400
<i>Chi hộ cước vận chuyển</i>	69,435,270
<i>Phải thu lương, BHXH chi hộ cromit Nam Việt</i>	2,026,239,082
<i>Lãi cho vay – tiền gửi</i>	7,064,413,103
<i>Thuế TNCN</i>	12,950,098
<i>Phải thu do hàng kém chất lượng</i>	526,834,242
<i>Các khoản phải thu khác</i>	417,073,552
<b>Cộng</b>	<b><u>133,814,279,692</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b><u>31/12/2012</u></b>	<b><u>31/12/2011</u></b>
<i>Nguyên vật liệu</i>	35,854,022,300	17,722,457,198
<i>Công cụ dụng cụ</i>	1,440,084,661	1,518,134,129
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của phân xưởng bao bì</i>	645,802,657	279,618,618
<i>Chi phí sản xuất dở dang của cá nguyên liệu tại các vùng nuôi</i>	440,467,849,097	125,774,174,764
<i>Thành phẩm</i>	264,367,273,273	150,094,780,619
<i>Hàng hóa mua ngoài</i>	16,435,958,851	
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	(4,861,739,910)	(1,049,009,773)
<b>Cộng</b>	<b><u>754,349,250,929</u></b>	<b><u>294,340,155,555</u></b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b><u>31/12/2012</u></b>	<b><u>31/12/2011</u></b>
<i>Tạm ứng mua hàng khác</i>	764,809,689	4,908,034,601
<i>Mua đất</i>	3,670,492,681	747,937,760
<i>Mua cá giống</i>	2,285,809,260	22,621,713,621
<i>Ký quỹ</i>	353,685,267	3,061,798,295
<i>Thuế GTGT được khấu trừ</i>	25,131,923,607	7,343,790,173
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	1,530,873,244	
<b>Cộng</b>	<b><u>33,707,593,748</u></b>	<b><u>38,683,274,450</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày <b>31/12/2011</b>	<b>80,493,549,939</b>	<b>128,709,051,064</b>	<b>14,001,372,268</b>	<b>7,578,075,382</b>	<b>230,782,048,653</b>
Tăng trong kỳ	22,533,977,330	63,373,594,982	3,044,332,232	782,446,853	89,734,351,397
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	1,122,680,542	17,657,965,903	36,363,636		18,817,010,081
Giảm khác					
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>101,904,846,727</b>	<b>174,424,680,143</b>	<b>17,009,340,864</b>	<b>8,360,522,235</b>	<b>301,699,389,969</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày <b>31/12/2011</b>	<b>59,845,835,708</b>	<b>108,671,902,453</b>	<b>11,554,228,932</b>	<b>6,617,304,780</b>	<b>186,689,271,873</b>
Tăng trong kỳ	5,754,043,630	12,972,066,999	1,393,776,083	605,489,411	20,725,376,123
Tăng khác					
Giảm trong kỳ	1,122,080,542				1,122,080,542
Giảm khác					
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>64,477,798,796</b>	<b>121,643,969,452</b>	<b>12,948,005,015</b>	<b>7,222,794,191</b>	<b>206,292,567,454</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	<b>20,647,714,231</b>	<b>20,037,148,611</b>	<b>2,447,143,336</b>	<b>960,770,602</b>	<b>44,092,776,780</b>
Số dư cuối quý	<b>37,427,047,931</b>	<b>52,780,710,691</b>	<b>4,061,335,849</b>	<b>1,137,728,044</b>	<b>95,406,822,515</b>

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày <b>31/12/2011</b>		
Tăng trong kỳ	36,781,113,206	36,781,113,206
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>36,781,113,206</b>	<b>36,781,113,206</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Tại ngày <b>31/12/2011</b>		
Tăng trong kỳ	1,065,654,892	1,065,654,892
Giảm trong kỳ		
Tại ngày <b>31/12/2012</b>	<b>1,065,654,892</b>	<b>1,065,654,892</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm		
Số dư cuối quý	<b>35,715,458,314</b>	<b>35,715,458,314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày <u>31/12/2011</u>	<u>16.183.967.822</u>	<u>409.231.000</u>	<u>16.593.198.822</u>
Tăng trong kỳ	92,672,752,071	82,338,000	92,755,090,071
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày <u>31/12/2012</u>	<u>108.856.719.893</u>	<u>491.569.000</u>	<u>109.348.288.893</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày <u>31/12/2011</u>		<u>222.079.000</u>	<u>222.079.000</u>
Tăng trong kỳ		51,362,332	51,362,332
Tăng khác			
Giảm trong kỳ		-	-
Giảm khác		-	-
Tại ngày <u>31/12/2012</u>		<u>273.441.332</u>	<u>273.441.332</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	<u>16.183.967.822</u>	<u>187.152.000</u>	<u>16.371.119.822</u>
Số dư cuối quý	<u>108.856.719.893</u>	<u>218.127.668</u>	<u>109.074.847.561</u>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tại ngày <u>31/12/2011</u>	<u>144.729.989.910</u>	
Tăng trong kỳ	170,577,464,700	
Giảm trong kỳ	184,242,348,248	
Tại ngày <u>31/12/2012</u>	<u>131.065.106.362</u>	
<i>Chi tiết chi phí xây dựng dở dang:</i>		
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	96,679,606,052	97,812,349,294
Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	21,202,243,355	
Mua đất khu bệnh xá công an	-	40,405,130,600
Nhà máy chế biến thức ăn	11,713,041,241	
Chi phí khác	1,470,215,714	6,512,510,016
	<u>131.065.106.362</u>	<u>144.729.989.910</u>

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Đầu tư vào công ty con (1*)	39,499,104,000	128,000,000,000
Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh (2*)	159,612,500,000	39,150,000,000
Đầu tư chứng khoán (3*)	135,000,000,000	155,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	109,504,000,000	98,504,000,000
DP giảm giá ĐTTC dài hạn	-	(11,887,176,000)
<b>Cộng</b>	<u>443.615.604.000</u>	<u>408.966.824.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

(\*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	<b>Vốn Đầu Tư</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mệnh giá</b>
(1*) 1-Công ty TNHH Ấn Độ Dương -100% vốn điều lệ	36,000,000,000		
2-Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông – 90,91% vốn điều lệ	3,499,104,000		
(2*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM – 39%	159,612,500,000		
(3*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	-	-	-
2- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(4*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Công ty TNHH Cromit Nam Việt	11,000,000,000		
4- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
5- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5,000,000,000	-	-
6- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000	-	-

**10. Tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	303,242,623	303,242,623
Chi phí thuê đất vùng nuôi chò phân bổ	4,651,666,670	
Chi phí chò phân bổ khác	8,919,790,307	
Ký quỹ thuế tài chính	1,748,400,000	
<b>Cộng</b>	<b>15,623,099,600</b>	<b>303,242,623</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	294,543,480,245	185,303,977,135
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –CN AG	132,000,000,000	123,145,200,000
Ngân hàng đầu tư và phát triển - CN Châu Đốc	122,354,122,736	-
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	71,232,738,916	31,000,000,000
Ngân hàng Phát Triển Chi Nhánh An Giang	48,000,000,000	
Ngân hàng Á Châu – CN TP.HCM		
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	-	12,560,980,478
Dương Thị Kim Hương	90,000,000,000	
Doãn Tới	4,711,528,844	3,703,889,000
Thuê tài chính - Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	6,084,109,661	
<b>Cộng</b>	<b>768,925,980,402</b>	<b>355,714,046,613</b>

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Phải trả trong nước	103,089,795,834	338,231,056,188
Phải trả nước ngoài	10,572,808,201	126,753,279
<b>Cộng</b>	<b>113,662,604,035</b>	<b>338,357,809,467</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****(\*) Chi tiết khoản phải trả người bán**

	<b>31/12/2012</b>
Mua máy móc thiết bị	765,456,000
Mua cá nguyên liệu	70,589,396,590
Mua nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá	8,139,859,915
Mua vật tư, giấy bao bì	1,775,659,160
Mua máy bơm, hút sinh	32,508,000
Lắp đặt máy điều hòa, tủ đông	710,234,800
Cải tạo nôi đốt trấu- nhà máy chế biến thức ăn	978,000,000
Mua nhiên liệu	354,526,800
Mua thuốc cho cá	8,793,060,607
Bể xử lý nước thải	416,060,000
Thu hộ ủy thác	229,406,185
Lắp đặt trạm biến áp, nôi cô đặc- nhà máy chế biến thức ăn	235,474,288
Lắp đặt dây chuyền nhà máy Chế biến thức ăn	7,073,704,201
Chi phí mua cổ phần Biển Đông	3,499,104,000
Phải trả cước vận chuyển	8,301,922,439
Chi phí đào ao nuôi cá- vật liệu xây dựng	743,822,881
Chi phí tiêm com	261,888,000
Chi phí kiểm kháng sinh- dịch cá	342,093,500
Các khoản trả khác	420,426,669
<b>Cộng</b>	<b>113,662,604,035</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Khách hàng trong nước (*)	3,132,891,503	3,319,643,707
Khách hàng nước ngoài (*)	9,888,057,760	8,437,011,356
<b>Cộng</b>	<b>13,020,949,263</b>	<b>11,756,655,063</b>

**(\*) Chi tiết khoản người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2012</b>
Bán thành phẩm cá fille	10,811,489,595
Bán phụ phẩm	1,304,899,454
Bán tài sản	254,800,000
Các khoản trả trước khác	649,760,214
<b>Cộng</b>	<b>13,020,949,263</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Thuế xuất nhập khẩu	775,091,786	550,720,265
Thuế thu nhập doanh nghiệp		3,973,883,885
Thuế thu nhập cá nhân	590,368,422	105,526,939
Thuế GTGT đầu ra	-	
<b>Cộng</b>	<b>1,365,460,208</b>	<b>4,630,131,089</b>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
---------------------	-----

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa, thức ăn nuôi cá	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

**15. Phải trả người lao động**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	12,580,218,894	3,491,532,668
<b>Cộng</b>	<b><u>12,580,218,894</u></b>	<b><u>3,491,532,668</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Vật tư hàng hóa khác tạm nhập	3,106,363,289	3,835,071,407
Lắp ráp dây chuyền nhà máy chế biến thức ăn	11,322,496,402	
Mua hóa chất	1,979,810,020	
Mua thức ăn, thuốc cho cá	1,410,340,798	30,400,256,126
Mua bao PP	2,200,904,550	
Mua túi pe	843,316,650	
Mua nguyên liệu giấy sản xuất bao bì	3,833,999,933	
Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	10,311,572,522	
Mua cá giống	751,359,260	22,621,713,621
Bảo hiểm phải nộp	562,919,249	555,291,854
Cổ tức phải trả	922,789,500	811,843,200
Phải trả vận chuyển	2,795,564,551	
Phải trả phải nộp khác	1,888,345,311	2,126,104,022
<b>Cộng</b>	<b><u>41,929,782,035</u></b>	<b><u>60,350,280,230</u></b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuê tài chính dây chuyền chế biến thức ăn- cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu	25,968,209,251	
<b>Cộng</b>	<b><u>25,968,209,251</u></b>	

**18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b><u>1,516,213,116</u></b>
Số trích lập trong kỳ	
Số chi trong kỳ	353,751,665
Hoàn nhập quỹ trong kỳ	1,162,461,451
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại ngày <u>31/12/2011</u>	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>27,417,629,848</u>	<u>132,848,126,634</u>
Tăng trong kỳ				89,353,046,320
Giảm trong kỳ				103,744,829,413
Số dư tại ngày <u>31/12/2012</u>	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>27,417,629,848</u>	<u>118,456,343,541</u>
Mệnh giá cổ phần:		10.000 VND		
Tổng số cổ phần:		66.000.000 CP		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Doanh thu thuần bán thành phẩm	380,901,623,689	419,539,366,816
Doanh thu thuần bán phụ phẩm	37,984,507,841	44,031,118,973
Doanh thu thuần bán thức ăn viên	2,840,730,281	
Doanh thu thuần bán thành phẩm gelatin	1,490,330,719	103,248,054
Doanh thu thuần bán nguyên liệu cá	1,763,462,261	
<b>Cộng</b>	<b><u>424,980,654,791</u></b>	<b><u>463,673,733,843</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Giá vốn thành phẩm đã bán	327,497,338,485	350,402,442,955
Giá vốn phụ phẩm	31,613,429,051	37,891,055,762
Giá vốn thức ăn viên	2,473,479,911	
Giá vốn thành phẩm gelatin	876,508,591	71,132,880
Giá vốn nguyên liệu cá	3,829,377,366	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(505,457,411)	
<b>Cộng</b>	<b><u>365,784,675,993</u></b>	<b><u>388,364,631,597</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	(130,171,169)	12,000,505,226
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560,000,000	3,510,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	336,753,445	14,707,624,755
Doanh thu lãi cho vay cá nhân	7,006,192,558	
<b>Cộng</b>	<b><u>7,772,774,834</u></b>	<b><u>30,218,129,981</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Lãi vay	12,512,670,641	10,917,133,263
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45,834,236	699,193,180
Lỗ đầu tư tài chính	38,500,458,947	(535,727,600)
<b>Cộng</b>	<b>51,058,963,824</b>	<b>11,080,598,843</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Cước tàu, vận chuyển	29,762,611,493	20,511,002,485
Chi phí lương nhân viên	549,074,231	527,183,764
Chi phí kiểm hàng	1,210,341,618	
Chi phí bốc hàng	1,803,059,953	
Chi phí hoa hồng môi giới	4,583,852,740	
Chi phí ngân hàng	597,571,227	
Chi phí khác	3,393,617,277	4,920,475,132
<b>Cộng</b>	<b>41,900,128,539</b>	<b>25,958,661,381</b>

**6. Chi phí QLDN**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Khấu hao	396,929,015	575,156,915
Chi phí quản lý khác	2,668,261,943	3,554,311,223
Chi phí xăng dầu	261,530,838	
Chi phí lương nhân viên	5,269,140,763	2,737,831,660
Chi phí ngân hàng	1,523,852,151	
Chi phí đào tạo	25,094,286	
Dự phòng nợ khó đòi	1,104,783,558	16,947,264,315
<b>Cộng</b>	<b>11,249,592,554</b>	<b>23,814,564,113</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Thu từ thanh lý nguyên liệu	1,473,585,008	
Thu từ bán thanh lý tài sản	37,163,636	12,816,810
Hoàn nhập quỹ trợ cấp mất việc làm	1,162,461,451	
Thu nhập khác	1,180,594,516	599,191,015
<b>Cộng</b>	<b>3,853,804,611</b>	<b>612,007,825</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Chi phí thanh lý nguyên liệu	1,310,110,308	
Chi phí thanh lý tài sản	36,636,636	
Chi phí khấu hao tài sản	1,863,429,095	3,107,717,533
Chi phí khác	397,905,612	294,959,763
<b>Cộng</b>	<b>3,608,081,651</b>	<b>3,402,677,296</b>

**VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Công ty vay của Doãn Tới	38,275,568,844	-
<b>Các cá nhân có liên quan khác</b>		
Công ty vay của Dương Thị Kim Hương	100,000,000,000	
Lãi cho vay	(222,643,807)	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Các cá nhân có liên quan khác</b>		
Lãi cho vay	142,223,076	777,266,883
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>142,223,076</b>	<b>777,266,883</b>
<b>Hội đồng quản trị - cá nhân khác liên quan</b>		
Công ty vay của Dương Thị Kim Hương	90,000,000,000	
Công ty vay của Doãn Tới	4,711,528,844	3,703,889,000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>94,711,528,844</b>	<b>3,703,889,000</b>

Ngoài ra các thành viên hội đồng quản trị còn dùng tài sản của mình để bảo lãnh cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

##### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương	Công ty con
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty của thành viên gia đình Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty của thành viên gia đình Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì, vật tư	15,444,795	
Thoái vốn 45% cổ phần Cromit Nam Việt	42,930,000,000	
Lãi cho vay	9,948,761	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

	<b>Số phát sinh từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Đầu tư mua đất vùng nuôi	12.418.397.693	
Ứng tiền gia công thành phẩm	5,009,420,000	
Ứng mua tài sản	2,713,000,000	
Cho vay	-	
Chi hộ	78,542,310	
Chi phí gia công	1,517,691,516	
Mua sản phẩm	24,991,720,140	
Chi phí thuê đất	334,653,000	
Chi phí khác	4,650,000	
Thu hộ	2,043,365	
<b>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</b>		
Bán thành phẩm, bao bì	126,401,097,366	
Ứng tiền gia công	103,180,780,000	
Lãi cho vay	8,418,665	
Cho vay	-	
Chi hộ	1,850,537,873	
Chi phí gia công	235,876,887,893	
Mua thành phẩm, bao bì, tài sản	2,201,157,596	
Chi phí xây dựng cơ bản	637,123,005	
Chi phí vùng nuôi	191,987,221	
Mua khác	724,519,487	
Mượn tiền	1,779,686,730	
Nhận tiền vay	6,457,320,000	
Chi phí lãi vay	129,878,905	
Chuyển lợi nhuận	50,000,000,000	
Thu hộ	6,630,218	
<b>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</b>		
Chi hộ	5,639,691	
Lãi cho vay		
Cho vay	1,907,656,000	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Phải thu tiền bán hàng	686,249,679	151,902,179,082
Phải thu phí xuất khẩu ủy thác	12,572,449,896	
Tiền, vật tư cho mượn khác	11,512,195,051	
Phải thu các khoản trả hộ	84,181,951,663	
Cho vay	450,000,000	
Lãi cho vay	5,100,000	171,059,016
Thoái vốn 45% cổ phần Cromit Nam Việt	25,293,101,305	
Phải thu khác	3,767,488,203	
<b>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</b>		
Cho mượn tiền	114,824,590,706	450,000,000,000
Phải thu khác	4,875,744,047	4,863,912,197

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

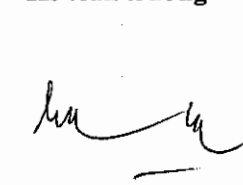
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bán thành phẩm	27,677,765,447	
<i>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</i>		
Cho vay	1,907,656,000	
Phải thu các khoản chi hộ	5,639,691	
Phải thu khác		
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>287,759,931,688</b>	<b>720,756,882,837</b>
<i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i>		
Phải trả tiền hàng	229,406,185	229,406,185
<i>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</i>		
Phải trả tiền hàng	26,476,373	301,545,368,438
Phải trả tiền vay	-	12,560,980,478
Phải trả khác	93,198,060	580,000
<i>Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông</i>		
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>349,080,618</b>	<b>314,336,335,101</b>

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

Lập biểu

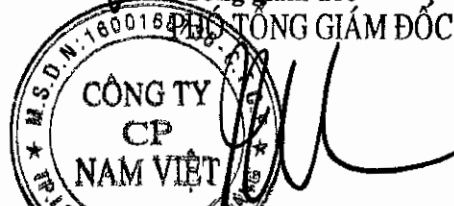
  
**Trần Thị Quý**

Kế toán trưởng

  
**Trần Minh Cảnh**

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng giám đốc

  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY**  
**CP**  
**NAM VIỆT**  
 M.S.D.N: 1600164  
 TP. LONG XUYẾN

Nguyễn Duy Nhứt

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Số : ...~~44~~...../CV-KTTC

*Trích yếu: "Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý IV so cùng kỳ cty mẹ"*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2013*

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt, mã chứng khoán: ANV giải trình chênh lệch lợi nhuận quý IV-2012 so cùng kỳ năm trước của Công ty mẹ như sau:

Đầu quý 4 Công ty Cổ phần Nam Việt thoái 45% vốn trong 51% vốn nắm giữ tại Công ty cổ phần Cromit Nam Việt, qua đó hạch toán số lỗ là 38.070 triệu đồng từ đó đã làm cho số lỗ quý 4 của công ty mẹ là 36.994 triệu đồng.

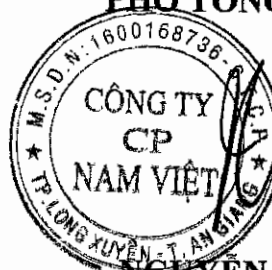
Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch trên với quý cơ quan và cổ đông

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- *Như trên*
- *Ban TGD*
- *Lưu VT*

**KT/TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN DUY NHÚT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Số : ...440.../CV-KTTC

*Trích yếu: "Giải trình lợi nhuận âm  
quý IV của Công ty mẹ"*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2013

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt, mã chứng khoán: ANV giải trình lợi nhuận quý IV-  
2012 bị lỗ của Công ty mẹ như sau:

Đầu quý 4 Công ty Cổ phần Nam Việt thoái 45% vốn trong 51% vốn nắm giữ  
tại Công ty cổ phần Cromit Nam Việt, qua đó hạch toán số lỗ là 38.070 triệu đồng từ  
đó đã làm cho số lỗ quý 4 của công ty mẹ là 36.994 triệu đồng.

Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch trên với quý cơ quan và cổ đông

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

**KT/TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN DUY NHÚT**